Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3902.20.00

Mã HS	3902.20.00
Mô tả hàng hóa	Các polyme từ propylen hoặc từ các olefin khác, dạng nguyên sinh / - Polyisobutylen
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 10:35:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39022000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5686
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	199/2025/NĐ-CP	2025-07-08	BT2026!N5686
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5686
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5480
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5441
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5441
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5441
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5441
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5441
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5441
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5485
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5485

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5485
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5485
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5485
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5485
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5483
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5483
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5483
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5483
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5483
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5483
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5485
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5447
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5443
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5443
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5443
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5443
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5443
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5443
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5452
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5452
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5452
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5452
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5452
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5452
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5493
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5493

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5493
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5493
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5493
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5493
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5494
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5494
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5494
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5494
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5494
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5494
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5497
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5497
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5497
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5497
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5497
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5497
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5466
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5466
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5466
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5466
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5466
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5466
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5468
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5468
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5468
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5468
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5468
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5466
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5466
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5466
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5466
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5466
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5466
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5466
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5487
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5487
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5487
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5487
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5487
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5487
RCEP B	2022	2022	0	B!D5487
RCEP B	2023	2023	0	B!E5487
RCEP B	2024	2024	0	B!F5487
RCEP B	2025	2025	0	B!G5487
RCEP B	2026	2026	0	B!H5487
RCEP B	2027	2027	0	B!I5487
RCEP C	2022	2022	0	C!D5487
RCEP C	2023	2023	0	C!E5487
RCEP C	2024	2024	0	C!F5487
RCEP C	2025	2025	0	C!G5487
RCEP C	2026	2026	0	C!H5487

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5487
RCEP D	2022	2022	0	D!D5487
RCEP D	2023	2023	0	D!E5487
RCEP D	2024	2024	0	D!F5487
RCEP D	2025	2025	0	D!G5487
RCEP D	2026	2026	0	D!H5487
RCEP D	2027	2027	0	D!I5487
RCEP E	2022	2022	0	E!D5490
RCEP E	2023	2023	0	E!E5490
RCEP E	2024	2024	0	E!F5490
RCEP E	2025	2025	0	E!G5490
RCEP E	2026	2026	0	E!H5490
RCEP E	2027	2027	0	E!I5490
RCEP F	2022	2022	0	F!D5487
RCEP F	2023	2023	0	F!E5487
RCEP F	2024	2024	0	F!F5487
RCEP F	2025	2025	0	F!G5487
RCEP F	2026	2026	0	F!H5487
RCEP F	2027	2027	0	F!I5487
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5052
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5052
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5052
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5052

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3902.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3902.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5686), căn cứ 199/2025/NĐ-CP.		199/2025/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.